

KẾ HOẠCH
Thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường
năm 2020, tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 14/6/2018 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng; Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh, ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa; trên cơ sở báo cáo và đề xuất tại Công văn số 6201/STNMT-CNTT ngày 14/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường năm 2020 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thu thập, chuẩn hóa và bảo quản an toàn dữ liệu về tài nguyên và môi trường, từng bước đưa công tác thu thập, lưu trữ và phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đi vào nề nếp, cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời;

Chuẩn bị dữ liệu đầu vào cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa phục vụ công tác quản lý Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu, tài liệu, hồ sơ, mẫu vật phải khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn, đúng quy định của pháp luật; có sự phối hợp chặt chẽ thống nhất giữa các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Việc thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau;

Thực hiện thu thập dữ liệu theo Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định của Pháp luật.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thu thập, cập nhật dữ liệu và vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên

môi trường:

1.1. Thu thập, tiếp nhận, xử lý, số hóa dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở đưa vào lưu trữ (dạng giấy) và chuẩn hóa, chuyên đổi dữ liệu, cập nhật vào phần mềm kho lưu trữ dữ liệu điện tử (Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các bản gốc, bản chính gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định), gồm:

a) Dữ liệu về tài nguyên nước:

- Dữ liệu đo triều mận hạ lưu hệ thống sông Mã, sông Yên, sông Bạng...;
- Hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng và các hồ sơ khác.

b) Dữ liệu về đất đai:

- Hồ sơ về xác định giá đất;
- Kết quả điều chỉnh bảng giá đất;
- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký biến động đất đai, định giá đất; thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; dữ liệu về tình trạng sử dụng của thửa đất, nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất; đền bù, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các hồ sơ khác.

c) Dữ liệu về địa chất và khoáng sản:

- Kết quả điều tra địa chất khoáng sản, kết quả thăm dò khoáng sản;
- Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Số liệu thăm dò đánh giá trữ lượng khoáng sản phục vụ cho đấu giá, định giá các quyền khai thác khoáng sản;
- Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản;

Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản và các hồ sơ khác.

d) Dữ liệu về môi trường:

- Báo cáo hiện trạng môi trường;
- Đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm
- Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

- Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

- Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

- Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường và các hồ sơ khác.

đ) Dữ liệu biển và hải đảo:

- Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;

- Hiện trạng môi trường nước ven biển, vùng biển ven bờ trên địa bàn tỉnh;

- Kết quả kiểm soát môi trường ven biển, môi trường biển, kết quả quan trắc nước biển ven bờ hàng năm;

- Các dữ liệu liên quan đến tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

e) Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết và các hồ sơ khác.

g) Hồ sơ, kết quả của các dự án, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

1.2 Xây dựng và công bố danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường trên đại bản tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Vận hành hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường, gồm: Kho lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường biển, cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học và an toàn sinh học, TD-Office.

2. Giao nộp, cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường

2.1. cấp tỉnh:

Đối với các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thống kê dữ liệu hiện có; giao nộp dữ liệu đã hoàn thành mà chưa giao nộp về Trung tâm Công nghệ thông tin theo quy định.

Đối với các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ, có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Cấp huyện:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố thống kê, phân loại: từng bước xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định. Cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bố trí kho lưu trữ dữ liệu tài nguyên môi trường bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, có đủ phương tiện, thiết bị lưu trữ đúng quy định

3. Kinh phí:

Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện bảo đảm, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường năm 2020 trình UBND tỉnh.

Giao Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ thu thập, đánh giá, xử lý, cập nhật và lưu trữ dữ liệu thu thập tại điểm 1 mục II Kế hoạch này.

2. Sở Tài chính:

Tham mưu bố trí kinh phí cho Trung tâm công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ thu thập, đánh giá, xử lý, cập nhật, lưu trữ dữ liệu thu thập và công bố danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường tại điểm 1 mục II Kế hoạch này.

3. Các Sở, ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan:

Thông kê dữ liệu về tài nguyên và môi trường có được trong hoạt động của ngành (nếu có), cung cấp thông tin mô tả về dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện; dự trù kinh phí, trình UBND cấp huyện phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch.

Yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường năm 2020.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (để b/c);
- T.tr Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (để b/c);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để thực hiện);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để thực hiện);
- Lưu: VT, Pg NN.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền